CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ ĐIỆN TRẦN PHÚ
DÂY & CÁP ĐIỆN TRẦN PHÚ
Bền mãi với thời gian

Vietnam Value

BẢNG GIÁ SẢN PHẨM DÂY & CÁP ĐIỆN TRẦN PHÚ

CÁP ĐIỆN HẠ THẾ

(Thời gian áp dụng từ ngày 26/10/2026)

Tiêu chuẩn áp dụng: TCVN 5935-1 (IEC 60502-1), TCVN 6612 (IEC 60228), AS - NZS 5000.1.

"Khách hàng có thể đặt hàng các chủng loại sản phẩm không có trong bảng giá"

TT	Tên sản phẩm	Kết cấu ruột dẫn		ĐVT		
		Dây pha			Chưa bao gồm VAT (8%)	Bao gồm VAT (8%)
		Số sợi	ĐK/Kiểu ruột dẫn		VNĐ	VNĐ
I. CÁP ĐƠN - HẠ THẾ (Cu/PVC)						
1	Cáp CV- 10	7	Compact	m	56.296	60.800
2	Cáp CV- 16	7	Compact	m	91.574	98.900
3	Cáp CV- 25	7	Compact	m	145.741	157.400
4	Cáp CV- 35	7	Compact	m	199.907	215.900
5	Cáp CV- 50	19	Compact	m	277.593	299.800
6	Cáp CV- 70	19	Compact	m	391.389	422.700
7	Cáp CV- 95	19	Compact	m	537.130	580.100
8	Cáp CV- 120	19	Compact	m	674.537	728.500
9	Cáp CV- 150	19	Compact	m	841.111	908.400
10	Cáp CV- 185	37	Compact	m	1.054.815	1.139.200
11	Cáp CV- 240	37	Compact	m	1.373.519	1.483.400
12	Cáp CV- 300	61	Compact	m	1.681.389	1.815.900
13	Cáp CV- 400	61	Compact	m	2.161.759	2.334.700
II. CÁP 1 LÕI - HẠ THẾ (Cu/PVC/PVC)						
14	Cáp CVV-1x2.5	7	2,01	m	20.648	22.300
15	Cáp CVV-1x4.0	7	2,55	m	30.093	32.500
16	Cáp CVV-1x6.0	7	3,12	m	42.500	45.900
17	Cáp CVV-1x10	7	Compact	m	62.500	67.500
18	Cáp CVV-1x16	7	Compact	m	100.370	108.400
19	Cáp CVV-1x25	7	Compact	m	161.019	173.900
20	Cáp CVV-1x35	7	Compact	m	219.167	236.700
21	Cáp CVV-1x50	19	Compact	m	295.926	319.600
22	Cáp CVV-1x70	19	Compact	m	418.519	452.000
23	Cáp CVV-1x95	19	Compact	m	584.537	631.300
24	Cáp CVV-1x120	19	Compact	m	734.537	793.300
25	Cáp CVV-1x150	19	Compact	m	922.315	996.100
26	Cáp CVV-1x185	37	Compact	m	1.157.500	1.250.100
27	Cáp CVV-1x240	37	Compact	m	1.451.389	1.567.500
28	Cáp CVV-1x300	61	Compact	m	1.915.370	2.068.600
29	Cáp CVV-1x400	61	Compact	m	2.388.704	2.579.800

TT	Tên sản phẩm	Kết cấu ruột dẫn		ĐVT		
		Dây pha			Chưa bao gồm VAT (8%)	Bao gồm VAT (8%)
		Số sợi	ĐK/Kiểu ruột dẫn		VNĐ	VNĐ
III. CÁP 2 LÕI - HẠ THẾ (Cu/PVC/PVC)						
30	Cáp CVV-2x2.5	7	2,01	m	**38.241**	**41.300**
31	Cáp CVV-2x4.0	7	2,55	m	**61.019**	**65.900**
32	Cáp CVV-2x6.0	7	3,12	m	**84.722**	**91.500**
33	Cáp CVV-2x10	7	Compact	m	**128.796**	**139.100**
34	Cáp CVV-2x16	7	Compact	m	**218.611**	**236.100**
35	Cáp CVV-2x25	7	Compact	m	**319.537**	**345.100**
36	Cáp CVV-2x35	7	Compact	m	**451.389**	**487.500**
37	Cáp CVV-2x50	19	Compact	m	**610.741**	**659.600**
38	Cáp CVV-2x70	19	Compact	m	**840.833**	**908.100**
39	Cáp CVV-2x95	19	Compact	m	**1.150.926**	**1.243.000**
40	Cáp CVV-2x120	19	Compact	m	**1.413.889**	**1.527.000**
41	Cáp CVV-2x150	19	Compact	m	**1.677.222**	**1.811.400**
42	Cáp CVV-2x185	37	Compact	m	**2.082.778**	**2.249.400**
43	Cáp CVV-2x240	37	Compact	m	**2.723.611**	**2.941.500**
44	Cáp CVV-2x300	61	Compact	m	**3.413.519**	**3.686.600**
45	Cáp CVV-2x400	61	Compact	m	**4.350.278**	**4.698.300**
IV. CÁP 3 LÕI - HẠ THẾ (Cu/PVC/PVC)						
46	Cáp CVV-3x2.5	7	2,01	m	**54.815**	**59.200**
47	Cáp CVV-3x4.0	7	2,55	m	**90.000**	**97.200**
48	Cáp CVV-3x6.0	7	3,12	m	**125.000**	**135.000**
49	Cáp CVV-3x10	7	Compact	m	**186.574**	**201.500**
50	Cáp CVV-3x16	7	Compact	m	**292.963**	**316.400**
51	Cáp CVV-3x25	7	Compact	m	**457.500**	**494.100**
52	Cáp CVV-3x35	7	Compact	m	**616.296**	**665.600**
53	Cáp CVV-3x50	19	Compact	m	**899.259**	**971.200**
54	Cáp CVV-3x70	19	Compact	m	**1.182.037**	**1.276.600**
55	Cáp CVV-3x95	19	Compact	m	**1.599.352**	**1.727.300**
56	Cáp CVV-3x120	19	Compact	m	**1.998.981**	**2.158.900**
57	Cáp CVV-3x150	19	Compact	m	**2.572.037**	**2.777.800**
58	Cáp CVV-3x185	37	Compact	m	**3.103.241**	**3.351.500**
59	Cáp CVV-3x240	37	Compact	m	**3.882.593**	**4.193.200**
60	Cáp CVV-3x300	61	Compact	m	**5.123.981**	**5.533.900**
V. CÁP (3+1) LÕI - HẠ THẾ (Cu/PVC/PVC)						
61	Cáp CVV-(3x2.5+1x1.5)	7	2,01	m	**78.333**	**84.600**
62	Cáp CVV-(3x4.0+1x2.5)	7	2,55	m	**115.000**	**124.200**
63	Cáp CVV-(3x6.0+1x4.0)	7	3,12	m	**160.278**	**173.100**
64	Cáp CVV-(3x10+1x6.0)	7	Compact	m	**246.111**	**265.800**
65	Cáp CVV-(3x16+1x10)	7	Compact	m	**373.704**	**403.600**
66	Cáp CVV-(3x25+1x16)	7	Compact	m	**630.741**	**681.200**
67	Cáp CVV-(3x35+1x16)	7	Compact	m	**828.241**	**894.500**
68	Cáp CVV-(3x35+1x25)	7	Compact	m	**847.778**	**915.600**
69	Cáp CVV-(3x50+1x25)	19	Compact	m	**1.156.019**	**1.248.500**

TT	Tên sản phẩm	Kết cấu ruột dẫn		ĐVT		
		Dây pha			Chưa bao gồm VAT (8%)	Bao gồm VAT (8%)
		Số sợi	ĐK/Kiểu ruột dẫn		VNĐ	VNĐ
70	Cáp CVV-(3x50+1x35)	19	Compact	m	1.225.463	1.323.500
71	Cáp CVV-(3x70+1x35)	19	Compact	m	1.602.037	1.730.200
72	Cáp CVV-(3x70+1x50)	19	Compact	m	1.746.481	1.886.200
73	Cáp CVV-(3x95+1x50)	19	Compact	m	1.966.481	2.123.800
74	Cáp CVV-(3x95+1x70)	19	Compact	m	2.083.889	2.250.600
75	Cáp CVV-(3x120+1x70)	19	Compact	m	2.489.722	2.688.900
76	Cáp CVV-(3x120+1x95)	19	Compact	m	2.652.130	2.864.300
77	Cáp CVV-(3x150+1x70)	19	Compact	m	2.995.000	3.234.600
78	Cáp CVV-(3x150+1x95)	19	Compact	m	3.166.667	3.420.000
79	Cáp CVV-(3x150+1x120)	19	Compact	m	3.301.667	3.565.800
80	Cáp CVV-(3x185+1x95)	37	Compact	m	3.788.796	4.091.900
81	Cáp CVV-(3x185+1x120)	37	Compact	m	3.960.278	4.277.100
82	Cáp CVV-(3x185+1x150)	37	Compact	m	4.120.741	4.450.400
83	Cáp CVV-(3x240+1x120)	37	Compact	m	4.918.796	5.312.300
84	Cáp CVV-(3x240+1x150)	37	Compact	m	5.105.093	5.513.500
85	Cáp CVV-(3x240+1x185)	37	Compact	m	5.315.741	5.741.000
86	Cáp CVV-(3x300+1x150)	61	Compact	m	6.158.704	6.651.400
87	Cáp CVV-(3x300+1x185)	61	Compact	m	6.369.444	6.879.000
88	Cáp CVV-(3x300+1x240)	61	Compact	m	6.697.037	7.232.800
VI. CÁP 4 LÕI - HẠ THẾ (Cu/PVC/PVC)						
89	Cáp CVV-4x2.5	7	2,01	m	72.130	77.900
90	Cáp CVV-4x4.0	7	2,55	m	116.574	125.900
91	Cáp CVV-4x6.0	7	3,12	m	161.667	174.600
92	Cáp CVV-4x10	7	Compact	m	246.481	266.200
93	Cáp CVV-4x16	7	Compact	m	383.148	413.800
94	Cáp CVV-4x25	7	Compact	m	602.870	651.100
95	Cáp CVV-4x35	7	Compact	m	799.630	863.600
96	Cáp CVV-4x50	19	Compact	m	1.053.611	1.137.900
97	Cáp CVV-4x70	19	Compact	m	1.515.556	1.636.800
98	Cáp CVV-4x95	19	Compact	m	2.120.278	2.289.900
99	Cáp CVV-4x120	19	Compact	m	2.632.593	2.843.200
100	Cáp CVV-4x150	19	Compact	m	3.120.463	3.370.100
101	Cáp CVV-4x185	37	Compact	m	4.081.852	4.408.400
102	Cáp CVV-4x240	37	Compact	m	5.112.315	5.521.300
103	Cáp CVV-4x300	61	Compact	m	6.682.593	7.217.200
VII. CÁP 1 LÕI - HẠ THẾ (Cu/XLPE/PVC)						
104	Cáp CXV-1x1.5	7	1,56	m	11.852	12.800
105	Cáp CXV-1x2.5	7	2,01	m	18.056	19.500
106	Cáp CXV-1x4.0	7	2,55	m	27.593	29.800
107	Cáp CXV-1x6.0	7	3,12	m	40.185	43.400
108	Cáp CXV-1x10	7	Compact	m	61.204	66.100
109	Cáp CXV-1x16	7	Compact	m	95.185	102.800
110	Cáp CXV-1x25	7	Compact	m	151.204	163.300
111	Cáp CXV-1x35	7	Compact	m	206.852	223.400

TT	Tên sản phẩm	Kết cấu ruột dẫn		ĐVT		
		Dây pha			Chưa bao gồm VAT (8%)	Bao gồm VAT (8%)
		Số sợi	ĐK/Kiểu ruột dẫn		VNĐ	VNĐ
112	Cáp CXV-1x50	19	Compact	m	**284.537**	**307.300**
113	Cáp CXV-1x70	19	Compact	m	**402.500**	**434.700**
114	Cáp CXV-1x95	19	Compact	m	**561.944**	**606.900**
115	Cáp CXV-1x120	19	Compact	m	**695.370**	**751.000**
116	Cáp CXV-1x150	19	Compact	m	**871.667**	**941.400**
117	Cáp CXV-1x185	37	Compact	m	**1.095.093**	**1.182.700**
118	Cáp CXV-1x240	37	Compact	m	**1.373.981**	**1.483.900**
119	Cáp CXV-1x300	61	Compact	m	**1.801.389**	**1.945.500**
120	Cáp CXV-1x400	61	Compact	m	**2.338.519**	**2.525.600**
VIII. CÁP 2 LÕI - HẠ THẾ (Cu/XLPE/PVC)						
121	Cáp CXV-2x1.5	7	1,56	m	**26.574**	**28.700**
122	Cáp CXV-2x2.5	7	2,01	m	**41.204**	**44.500**
123	Cáp CXV-2x4.0	7	2,55	m	**58.241**	**62.900**
124	Cáp CXV-2x6.0	7	3,12	m	**84.722**	**91.500**
125	Cáp CXV-2x10	7	Compact	m	**130.463**	**140.900**
126	Cáp CXV-2x16	7	Compact	m	**200.278**	**216.300**
127	Cáp CXV-2x25	7	Compact	m	**305.278**	**329.700**
128	Cáp CXV-2x35	7	Compact	m	**415.648**	**448.900**
129	Cáp CXV-2x50	19	Compact	m	**568.889**	**614.400**
130	Cáp CXV-2x70	19	Compact	m	**825.833**	**891.900**
131	Cáp CXV-2x95	19	Compact	m	**1.126.852**	**1.217.000**
132	Cáp CXV-2x120	19	Compact	m	**1.373.981**	**1.483.900**
133	Cáp CXV-2x150	19	Compact	m	**1.715.370**	**1.852.600**
IX. CÁP 3 LÕI - HẠ THẾ (Cu/XLPE/PVC)						
134	Cáp CXV-3x1.5	7	1,56	m	**41.019**	**44.300**
135	Cáp CXV-3x2.5	7	2,01	m	**59.259**	**64.000**
136	Cáp CXV-3x4.0	7	2,55	m	**86.481**	**93.400**
137	Cáp CXV-3x6.0	7	3,12	m	**123.333**	**133.200**
138	Cáp CXV-3x10	7	Compact	m	**192.222**	**207.600**
139	Cáp CXV-3x16	7	Compact	m	**288.241**	**311.300**
140	Cáp CXV-3x25	7	Compact	m	**458.426**	**495.100**
141	Cáp CXV-3x35	7	Compact	m	**623.333**	**673.200**
142	Cáp CXV-3x50	19	Compact	m	**874.259**	**944.200**
143	Cáp CXV-3x70	19	Compact	m	**1.221.296**	**1.319.000**
144	Cáp CXV-3x95	19	Compact	m	**1.636.296**	**1.767.200**
145	Cáp CXV-3x120	19	Compact	m	**2.024.815**	**2.186.800**
146	Cáp CXV-3x150	19	Compact	m	**2.542.500**	**2.745.900**
147	Cáp CXV-3x185	37	Compact	m	**3.192.037**	**3.447.400**
148	Cáp CXV-3x240	37	Compact	m	**4.205.093**	**4.541.500**
149	Cáp CXV-3x300	61	Compact	m	**5.252.963**	**5.673.200**
150	Cáp CXV-3x400	61	Compact	m	**6.789.352**	**7.332.500**
X. CÁP (3+1) LÕI - HẠ THẾ (Cu/XLPE/PVC)						
151	Cáp CXV-(3x2.5+1x1.5)	7	2,01	m	**68.889**	**74.400**

TT	Tên sản phẩm	Kết cấu ruột dẫn		ĐVT	Chưa bao gồm VAT (8%)	Bao gồm VAT (8%)
		Dây pha				
		Số sợi	ĐK/Kiểu ruột dẫn		VNĐ	VNĐ
152	Cáp CXV-(3x4.0+1x2.5)	7	2,55	m	100.833	108.900
153	Cáp CXV-(3x6.0+1x4.0)	7	3,12	m	145.741	157.400
154	Cáp CXV-(3x10+1x6.0)	7	Compact	m	224.352	242.300
155	Cáp CXV-(3x16+1x10)	7	Compact	m	347.037	374.800
156	Cáp CXV-(3x25+1x10)	7	Compact	m	496.204	535.900
157	Cáp CXV-(3x25+1x16)	7	Compact	m	562.037	607.000
158	Cáp CXV-(3x35+1x16)	7	Compact	m	718.981	776.500
159	Cáp CXV-(3x35+1x25)	7	Compact	m	805.000	869.400
160	Cáp CXV-(3x50+1x25)	19	Compact	m	985.370	1.064.200
161	Cáp CXV-(3x50+1x35)	19	Compact	m	1.096.296	1.184.000
162	Cáp CXV-(3x70+1x35)	19	Compact	m	1.447.407	1.563.200
163	Cáp CXV-(3x70+1x50)	19	Compact	m	1.512.778	1.633.800
164	Cáp CXV-(3x95+1x50)	19	Compact	m	1.997.037	2.156.800
165	Cáp CXV-(3x95+1x70)	19	Compact	m	2.109.537	2.278.300
166	Cáp CXV-(3x120+1x70)	19	Compact	m	2.505.093	2.705.500
167	Cáp CXV-(3x120+1x95)	19	Compact	m	2.650.741	2.862.800
168	Cáp CXV-(3x150+1x70)	19	Compact	m	3.037.963	3.281.000
169	Cáp CXV-(3x150+1x95)	19	Compact	m	3.189.167	3.444.300
170	Cáp CXV-(3x150+1x120)	19	Compact	m	3.358.519	3.627.200
171	Cáp CXV-(3x185+1x95)	37	Compact	m	3.855.463	4.163.900
172	Cáp CXV-(3x185+1x120)	37	Compact	m	3.990.000	4.309.200
173	Cáp CXV-(3x185+1x150)	37	Compact	m	4.191.296	4.526.600
174	Cáp CXV-(3x240+1x120)	37	Compact	m	4.774.167	5.156.100
175	Cáp CXV-(3x240+1x150)	37	Compact	m	5.008.704	5.409.400
176	Cáp CXV-(3x240+1x185)	37	Compact	m	5.343.148	5.770.600
177	Cáp CXV-(3x300+1x150)	61	Compact	m	6.037.037	6.520.000
178	Cáp CXV-(3x300+1x185)	61	Compact	m	6.536.667	7.059.600
179	Cáp CXV-(3x300+1x240)	61	Compact	m	6.606.111	7.134.600
XI. CÁP 4 LÕI - HẠ THẾ (Cu/XLPE/PVC)						
180	Cáp CXV-4x1.5	7	1,56	m	51.296	55.400
181	Cáp CXV-4x2.5	7	2,01	m	76.296	82.400
182	Cáp CXV-4x4.0	7	2,55	m	112.407	121.400
183	Cáp CXV-4x6.0	7	3,12	m	159.537	172.300
184	Cáp CXV-4x10	7	Compact	m	249.815	269.800
185	Cáp CXV-4x16	7	Compact	m	381.667	412.200
186	Cáp CXV-4x25	7	Compact	m	610.648	659.500
187	Cáp CXV-4x35	7	Compact	m	846.574	914.300
188	Cáp CXV-4x50	19	Compact	m	1.151.852	1.244.000
189	Cáp CXV-4x70	19	Compact	m	1.651.574	1.783.700
190	Cáp CXV-4x95	19	Compact	m	2.255.278	2.435.700
191	Cáp CXV-4x120	19	Compact	m	2.789.630	3.012.800
192	Cáp CXV-4x150	19	Compact	m	3.502.870	3.783.100
193	Cáp CXV-4x185	37	Compact	m	4.389.722	4.740.900
194	Cáp CXV-4x240	37	Compact	m	5.512.500	5.953.500

TT	Tên sản phẩm	Kết cấu ruột dẫn		ĐVT		
		Dây pha			Chưa bao gồm VAT (8%)	Bao gồm VAT (8%)
		Số sợi	ĐK/Kiểu ruột dẫn		VNĐ	VNĐ
195	Cáp CXV-4x300	61	Compact	m	7.000.185	7.560.200
196	Cáp CXV-4x400	61	Compact	m	9.073.611	9.799.500
XII. CÁP (3+2) LÕI - HẠ THẾ (Cu/XLPE/PVC)						
197	Cáp CXV-(3x2.5+2x1.5)	7	2,01	m	81.574	88.100
198	Cáp CXV-(3x4.0+2x2.5)	7	2,55	m	120.185	129.800
199	Cáp CXV-(3x6.0+2x4.0)	7	3,12	m	171.759	185.500
200	Cáp CXV-(3x10+2x6.0)	7	Compact	m	262.315	283.300
201	Cáp CXV-(3x16+2x10)	7	Compact	m	408.148	440.800
202	Cáp CXV-(3x25+2x16)	7	Compact	m	614.722	663.900
203	Cáp CXV-(3x35+2x16)	7	Compact	m	782.685	845.300
204	Cáp CXV-(3x35+2x25)	7	Compact	m	881.389	951.900
205	Cáp CXV-(3x50+2x25)	19	Compact	m	1.101.944	1.190.100
206	Cáp CXV-(3x50+2x35)	19	Compact	m	1.211.574	1.308.500
207	Cáp CXV-(3x70+2x35)	19	Compact	m	1.540.370	1.663.600
208	Cáp CXV-(3x70+2x50)	19	Compact	m	1.651.574	1.783.700
209	Cáp CXV-(3x95+2x50)	19	Compact	m	2.070.648	2.236.300
210	Cáp CXV-(3x95+2x70)	19	Compact	m	2.280.185	2.462.600
211	Cáp CXV-(3x120+2x70)	19	Compact	m	2.659.167	2.871.900
212	Cáp CXV-(3x120+2x95)	19	Compact	m	2.978.333	3.216.600
213	Cáp CXV-(3x150+2x70)	19	Compact	m	3.154.537	3.406.900
214	Cáp CXV-(3x150+2x95)	19	Compact	m	3.458.519	3.735.200
215	Cáp CXV-(3x150+2x120)	19	Compact	m	3.698.426	3.994.300
216	Cáp CXV-(3x185+2x95)	37	Compact	m	4.028.796	4.351.100
217	Cáp CXV-(3x185+2x120)	37	Compact	m	4.293.796	4.637.300
218	Cáp CXV-(3x185+2x150)	37	Compact	m	4.624.167	4.994.100
219	Cáp CXV-(3x240+2x120)	37	Compact	m	5.173.704	5.587.600
220	Cáp CXV-(3x240+2x150)	37	Compact	m	5.504.167	5.944.500
221	Cáp CXV-(3x240+2x185)	37	Compact	m	5.901.111	6.373.200
222	Cáp CXV-(3x300+2x150)	61	Compact	m	6.495.000	7.014.600
223	Cáp CXV-(3x300+2x185)	61	Compact	m	6.825.370	7.371.400
224	Cáp CXV-(3x300+2x240)	61	Compact	m	7.441.481	8.036.800
XIII. CÁP NGẦM 1 LÕI - HẠ THẾ (Cu/XLPE/PVC/DATA/PVC)						
225	Cáp CXV/DATA-1x25	7	Compact	m	173.426	187.300
226	Cáp CXV/DATA-1x35	7	Compact	m	228.981	247.300
227	Cáp CXV/DATA-1x50	19	Compact	m	305.278	329.700
228	Cáp CXV/DATA-1x70	19	Compact	m	444.167	479.700
229	Cáp CXV/DATA-1x95	19	Compact	m	596.852	644.600
230	Cáp CXV/DATA-1x120	19	Compact	m	742.500	801.900
231	Cáp CXV/DATA-1x150	19	Compact	m	915.926	989.200
232	Cáp CXV/DATA-1x185	37	Compact	m	1.151.852	1.244.000
233	Cáp CXV/DATA-1x240	37	Compact	m	1.457.130	1.573.700
234	Cáp CXV/DATA-1x300	61	Compact	m	1.873.611	2.023.500
235	Cáp CXV/DATA-1x400	61	Compact	m	2.428.796	2.623.100

TT	Tên sản phẩm	Kết cấu ruột dẫn		ĐVT		
		Dây pha			Chưa bao gồm VAT (8%)	Bao gồm VAT (8%)
		Số sợi	ĐK/Kiểu ruột dẫn		VNĐ	VNĐ
XIV. CÁP NGẦM 2 LÕI - HẠ THẾ (Cu/XLPE/PVC/DSTA/PVC)						
236	Cáp CXV/DSTA-2x1.5	7	1,56	m	**41.759**	**45.100**
237	Cáp CXV/DSTA-2x2.5	7	2,01	m	**59.630**	**64.400**
238	Cáp CXV/DSTA-2x4.0	7	2,55	m	**76.296**	**82.400**
239	Cáp CXV/DSTA-2x6.0	7	3,12	m	**100.000**	**108.000**
240	Cáp CXV/DSTA-2x10	7	Compact	m	**144.259**	**155.800**
241	Cáp CXV/DSTA-2x16	7	Compact	m	**223.426**	**241.300**
242	Cáp CXV/DSTA-2x25	7	Compact	m	**333.056**	**359.700**
243	Cáp CXV/DSTA-2x35	7	Compact	m	**451.111**	**487.200**
244	Cáp CXV/DSTA-2x50	19	Compact	m	**596.852**	**644.600**
245	Cáp CXV/DSTA-2x70	19	Compact	m	**860.463**	**929.300**
246	Cáp CXV/DSTA-2x95	19	Compact	m	**1.179.537**	**1.273.900**
247	Cáp CXV/DSTA-2x120	19	Compact	m	**1.498.889**	**1.618.800**
248	Cáp CXV/DSTA-2x150	19	Compact	m	**1.804.259**	**1.948.600**
XV. CÁP NGẦM 3 LÕI - HẠ THẾ (Cu/XLPE/PVC/DSTA/PVC)						
249	Cáp CXV/DSTA-3x1.5	7	1,56	m	**59.630**	**64.400**
250	Cáp CXV/DSTA-3x2.5	7	2.01	m	**76.296**	**82.400**
251	Cáp CXV/DSTA-3x4.0	7	2,55	m	**101.296**	**109.400**
252	Cáp CXV/DSTA-3x6.0	7	3,12	m	**138.889**	**150.000**
253	Cáp CXV/DSTA-3x10	7	Compact	m	**215.185**	**232.400**
254	Cáp CXV/DSTA-3x16	7	Compact	m	**312.222**	**337.200**
255	Cáp CXV/DSTA-3x25	7	Compact	m	**492.593**	**532.000**
256	Cáp CXV/DSTA-3x35	7	Compact	m	**666.204**	**719.500**
257	Cáp CXV/DSTA-3x50	19	Compact	m	**929.722**	**1.004.100**
258	Cáp CXV/DSTA-3x70	19	Compact	m	**1.304.537**	**1.408.900**
259	Cáp CXV/DSTA-3x95	19	Compact	m	**1.734.815**	**1.873.600**
260	Cáp CXV/DSTA-3x120	19	Compact	m	**2.113.611**	**2.282.700**
261	Cáp CXV/DSTA-3x150	19	Compact	m	**2.636.944**	**2.847.900**
262	Cáp CXV/DSTA-3x185	37	Compact	m	**3.303.056**	**3.567.300**
263	Cáp CXV/DSTA-3x240	37	Compact	m	**4.330.000**	**4.676.400**
264	Cáp CXV/DSTA-3x300	61	Compact	m	**5.273.704**	**5.695.600**
265	Cáp CXV/DSTA-3x400	61	Compact	m	**6.800.278**	**7.344.300**
XVI. CÁP NGẦM (3+1) LÕI - HẠ THẾ (Cu/XLPE/PVC/DSTA/PVC)						
266	Cáp CXV/DSTA-(3x2.5+1x1.5)	7	2,01	m	**84.722**	**91.500**
267	Cáp CXV/DSTA-(3x4.0+1x2.5)	7	2,55	m	**123.611**	**133.500**
268	Cáp CXV/DSTA-(3x6.0+1x4.0)	7	3,12	m	**173.426**	**187.300**
269	Cáp CXV/DSTA-(3x10+1x6.0)	7	Compact	m	**249.815**	**269.800**
270	Cáp CXV/DSTA-(3x16+1x10)	7	Compact	m	**374.722**	**404.700**
271	Cáp CXV/DSTA-(3x25+1x10)	7	Compact	m	**538.426**	**581.500**
272	Cáp CXV/DSTA-(3x25+1x16)	7	Compact	m	**610.648**	**659.500**
273	Cáp CXV/DSTA-(3x35+1x16)	7	Compact	m	**763.333**	**824.400**
274	Cáp CXV/DSTA-(3x35+1x25)	7	Compact	m	**825.833**	**891.900**
275	Cáp CXV/DSTA-(3x50+1x25)	19	Compact	m	**1.068.611**	**1.154.100**

TT	Tên sản phẩm	Kết cấu ruột dẫn		ĐVT	Chưa bao gồm VAT (8%)	Bao gồm VAT (8%)
		Dây pha				
		Số sợi	ĐK/Kiểu ruột dẫn		VNĐ	VNĐ
276	Cáp CXV/DSTA-(3x50+1x35)	19	Compact	m	1.151.852	1.244.000
277	Cáp CXV/DSTA-(3x70+1x35)	19	Compact	m	1.526.574	1.648.700
278	Cáp CXV/DSTA-(3x70+1x50)	19	Compact	m	1.596.019	1.723.700
279	Cáp CXV/DSTA-(3x95+1x50)	19	Compact	m	2.095.556	2.263.200
280	Cáp CXV/DSTA-(3x95+1x70)	19	Compact	m	2.234.352	2.413.100
281	Cáp CXV/DSTA-(3x120+1x70)	19	Compact	m	2.636.944	2.847.900
282	Cáp CXV/DSTA-(3x120+1x95)	19	Compact	m	2.775.556	2.997.600
283	Cáp CXV/DSTA-(3x150+1x70)	19	Compact	m	3.122.685	3.372.500
284	Cáp CXV/DSTA-(3x150+1x95)	19	Compact	m	3.289.074	3.552.200
285	Cáp CXV/DSTA-(3x150+1x120)	19	Compact	m	3.414.074	3.687.200
286	Cáp CXV/DSTA-(3x185+1x95)	37	Compact	m	3.982.963	4.301.600
287	Cáp CXV/DSTA-(3x185+1x120)	37	Compact	m	4.135.648	4.466.500
288	Cáp CXV/DSTA-(3x185+1x150)	37	Compact	m	4.302.222	4.646.400
289	Cáp CXV/DSTA-(3x240+1x120)	37	Compact	m	4.857.407	5.246.000
290	Cáp CXV/DSTA-(3x240+1x150)	37	Compact	m	5.162.778	5.575.800
291	Cáp CXV/DSTA-(3x240+1x185)	37	Compact	m	5.433.241	5.867.900
292	Cáp CXV/DSTA-(3x300+1x150)	61	Compact	m	6.175.833	6.669.900
293	Cáp CXV/DSTA-(3x300+1x185)	61	Compact	m	6.592.130	7.119.500
294	Cáp CXV/DSTA-(3x300+1x240)	61	Compact	m	6.869.722	7.419.300
XVII. CÁP NGẦM 4 LÕI - HẠ THẾ (Cu/XLPE/PVC/DSTA/PVC)						
295	Cáp CXV/DSTA-4x1.5	7	1,56	m	69.444	75.000
296	Cáp CXV/DSTA-4x2.5	7	2.01	m	94.444	102.000
297	Cáp CXV/DSTA-4x4.0	7	2,55	m	127.685	137.900
298	Cáp CXV/DSTA-4x6.0	7	3,12	m	176.296	190.400
299	Cáp CXV/DSTA-4x10	7	Compact	m	273.333	295.200
300	Cáp CXV/DSTA-4x16	7	Compact	m	416.296	449.600
301	Cáp CXV/DSTA-4x25	7	Compact	m	666.204	719.500
302	Cáp CXV/DSTA-4x35	7	Compact	m	902.130	974.300
303	Cáp CXV/DSTA-4x50	19	Compact	m	1.318.426	1.423.900
304	Cáp CXV/DSTA-4x70	19	Compact	m	1.762.500	1.903.500
305	Cáp CXV/DSTA-4x95	19	Compact	m	2.428.796	2.623.100
306	Cáp CXV/DSTA-4x120	19	Compact	m	2.983.796	3.222.500
307	Cáp CXV/DSTA-4x150	19	Compact	m	3.677.685	3.971.900
308	Cáp CXV/DSTA-4x185	37	Compact	m	4.607.500	4.976.100
309	Cáp CXV/DSTA-4x240	37	Compact	m	5.759.352	6.220.100
310	Cáp CXV/DSTA-4x300	61	Compact	m	7.237.593	7.816.600
311	Cáp CXV/DSTA-4x400	61	Compact	m	9.367.870	10.117.300
XVIII. CÁP NGẦM (3+2) LÕI - HẠ THẾ (Cu/XLPE/PVC/DSTA/PVC)						
312	Cáp CXV/DSTA-(3x2.5+2x1.5)	7	2,01	m	101.296	109.400
313	Cáp CXV/DSTA-(3x4.0+2x2.5)	7	2,55	m	140.185	151.400
314	Cáp CXV/DSTA-(3x6.0+2x4.0)	7	3,12	m	201.296	217.400
315	Cáp CXV/DSTA-(3x10+2x6.0)	7	Compact	m	288.611	311.700
316	Cáp CXV/DSTA-(3x16+2x10)	7	Compact	m	427.407	461.600
317	Cáp CXV/DSTA-(3x25+2x16)	7	Compact	m	656.481	709.000

TT	Tên sản phẩm	Kết cấu ruột dẫn		ĐVT	Chưa bao gồm VAT (8%)	Bao gồm VAT (8%)
		Dây pha				
		Số sợi	ĐK/Kiểu ruột dẫn		VNĐ	VNĐ
318	Cáp CXV/DSTA-(3x35+2x16)	7	Compact	m	818.796	884.300
319	Cáp CXV/DSTA-(3x35+2x25)	7	Compact	m	968.704	1.046.200
320	Cáp CXV/DSTA-(3x50+2x25)	19	Compact	m	1.185.185	1.280.000
321	Cáp CXV/DSTA-(3x50+2x35)	19	Compact	m	1.272.593	1.374.400
322	Cáp CXV/DSTA-(3x70+2x35)	19	Compact	m	1.577.963	1.704.200
323	Cáp CXV/DSTA-(3x70+2x50)	19	Compact	m	1.793.056	1.936.500
324	Cáp CXV/DSTA-(3x95+2x50)	19	Compact	m	2.192.778	2.368.200
325	Cáp CXV/DSTA-(3x95+2x70)	19	Compact	m	2.387.037	2.578.000
326	Cáp CXV/DSTA-(3x120+2x70)	19	Compact	m	2.803.426	3.027.700
327	Cáp CXV/DSTA-(3x120+2x95)	19	Compact	m	3.090.648	3.337.900
328	Cáp CXV/DSTA-(3x150+2x70)	19	Compact	m	3.441.759	3.717.100
329	Cáp CXV/DSTA-(3x150+2x95)	19	Compact	m	3.570.833	3.856.500
330	Cáp CXV/DSTA-(3x150+2x120)	19	Compact	m	3.923.426	4.237.300
331	Cáp CXV/DSTA-(3x185+2x95)	37	Compact	m	4.180.093	4.514.500
332	Cáp CXV/DSTA-(3x185+2x120)	37	Compact	m	4.532.593	4.895.200
333	Cáp CXV/DSTA-(3x185+2x150)	37	Compact	m	5.044.722	5.448.300
334	Cáp CXV/DSTA-(3x240+2x120)	37	Compact	m	5.380.556	5.811.000
335	Cáp CXV/DSTA-(3x240+2x150)	37	Compact	m	5.845.463	6.313.100
336	Cáp CXV/DSTA-(3x240+2x185)	37	Compact	m	6.148.148	6.640.000
337	Cáp CXV/DSTA-(3x300+2x150)	61	Compact	m	6.597.778	7.125.600
338	Cáp CXV/DSTA-(3x300+2x185)	61	Compact	m	7.077.870	7.644.100
339	Cáp CXV/DSTA-(3x300+2x240)	61	Compact	m	7.653.889	8.266.200

Thông tin : TRẦN PHÚ - TRAFUCO

VP HN: Đường Trần Danh Tuyên, Phường Phúc Lợi, TP Hà Nội.

NMSX: Lô in-1, KCN VIỆT NAM - Singapore (VSIP), Phúc Điền, Hải Phòng

Website: tranphu.vn (http://tranphucable.com.vn/)

Email: xinchao@tranphu.vn

Hotline: 19002255

HÀ NỘI, ngày 26 tháng 10 năm 2026

TL. TỔNG GIÁM ĐỐC

GIÁM ĐỐC KINH DOANH TOÀN QUỐC

M.S.D.N: 0100[illegible]083 - C.T.C.P - CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ ĐIỆN TRẦN PHÚ - P. PHÚC LỢI - TP HÀ NỘI

PHẠM ĐÌNH DOANH